(Mẫu số 27-HS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP)

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲ CHÂU
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 38/2020/HS-ST
Ngày 21/7/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ CHÂU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lô Xuân Diệu.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Như Đa.
Ông: Lương Thành Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tăng Thành Vương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 36/2020/TLST-HS ngày 30/6/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:52/2020/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Quang Văn C – Tên gọi khác: Không.
Sinh năm 1992, tại huyện Q C, tỉnh Nghệ An.
Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Bản C, xã D L, huyện Q C, tỉnh Nghệ An.
Nghề nghiệp: Lao động tự do – Trình độ văn hóa: lớp 9.
Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.
Con ông: Quang Văn L (chết) và bà Lữ Thị T.
Vợ; Lữ Thị L, con: 01 đứa.
Tiề án; Không.
Tiền sự: Ngày 06/9/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 18 tháng. Bị cáo chấp hành xong quyết định ngày 03/02/2020.
Nhân thân: Ngày 19/8/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An xử phạt 18 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Bị cáo đã chấp hành xong bản án vào ngày 20/6/2017.
Bị tạm giữ, tạm giam: 23/4/2020.
Có mặt.
-Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị Quỳnh T – Trợ giúp viên pháp lý – Tring tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Nghẹ An – Chi nhánh số 2.
Vắng mặt.
- Người bị hại; Lữ Thị Tình T, sinh năm 1997.
Nơi cư trú: Bản T, xã C P, huyện Q C, tỉnh Nghệ An.

Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, vụ án có nội dung được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 23/4/2020 Quang Văn C đang đi bộ trên đường thuộc bản T, xã C P, huyện Q C, tỉnh Nghệ An thì thấy trong sân một ngôi nhà đang xây có một xe máy và chìa khóa đang cắm ở ổ khóa xe nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe trên. C quan sát xung quanh không có ai và nhìn thấy cách đó khoảng 100m có một người đang đứng quay lưng lại nên C đã vào trong sân dắt xe ra ngoài đường và mở khóa nổ máy xe đi về hướng xã C H , huyện Q C. Anh Lữ Văn Đ, trú tại bản T, xã C P mượn xe máy của chị Lữ ThiTình T, trú tại bản T, xã C P đi hai lá chua và để xe trong sân nhà chị Lữ Thị H, sau khi anh Đ hái lá chua quay ra thì không thấy xe ở đâu nên đã nhờ anh Lữ Văn T đuổi theo đồng thời điện báo cho Công an xã C H. Khi Quang Văn C đến bản L M, xã C H thì Công an xã C H yêu cầu dừng xe vừa lúc đó anh Đ và anh T cũng đến nơi và xác nhận chiếc xe mà C đang đi là chiếc xe anh Đ mượn chị T để trong sân nhà chị H và bị mất. Công an xã C H đã lập biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang và tạm giữ vật chứng bàn giao đối tượng và vật chứng cho cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳ Châu để điều tra xử lý theo thẩm quyền.

Tại kết luận định giá tài sản số 10/KL-HĐ ĐGTS ngày 27/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Quỳ Châu kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda biển kiểm soát 37G1-10… trị giá tại thời điểm bị chiếm đoạt là 14.000.000,đ (Mười bốn triệu đồng).

Trong quá trình điều tra chiếc xe mô tô bị cáo chiếm đoạt thuộc sở hữu của chị Lữ Thị Tình T đã được thu hồi và giao trả đầy đủ cho chị T, chị T không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Cáo trạng số: 39/CT-VKS-HS ngày 29/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Châu truy tố bị cáo Quang Văn C về tội: Trộm cắp tài sản, theo khoản 1 điều 173 của Bộ luật hình sự.

-Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Châu tại phiên tòa: Giữ nguyên nội dung bản cáo trạng truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn khoản 1 điều 173, điểm s khoản 1 điều 51, điều 38 của Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Bị cáo điều kiện kinh tế khó khăn đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại chị Lữ Thị Tình T đã nhận lại đầy đủ tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Án phí: Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định.

- Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo: Nhất trí với luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, khung hình phạt và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt đối với bị cáo bởi: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn đã dẫn đến bị cáo thực hiện hành vi phạm

tội. Do đó đề nghị căn cứ khoản 1 điều 173, điểm s khoản 1 điều 51, điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo từ 06 (Sáu) đến 09 (Chín) tháng tù . Bị cáo điều kiện kinh tế khó khăn, là dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, thuộc diện chính sách hộ nghèo. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo và đề nghị miễn toàn bộ án phí cho bị cáo theo quy định.

- Ý kiến của bị cáo: Đề nghị xem xét giảm nhẹ mức hình phạt đối với bị cáo .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các tài liệu chứng cứ do Cơ quan điều tra Công an huyện Quỳ Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Châu, kiểm sát viên thu thập, người bào chữa và những người tham gia tố tụng cung cấp đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của Bộ uật tố tụng hình sự.

Hành vi tiến hành tố tụng của Cơ quan điều tra, điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử không có ai khiếu nại về hành vi tiến hành tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên.

Về sự có mặt của người bào chữa: Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo vắng mặt nhưng đã gửi bài bào chữa cho bị cáo cho Hội đồng xét xử trước khi mở phiên tòa, tại phiên tòa bị cáo đồng ý xét xử vụ án vắng mặt người bào chữa. Căn cứ khoản 1 điều 291 của Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vắng mặt người bào chữa.

Về sự có mặt của người làm chứng: Tại phiên tòa vắng mặt người làm chứng. Tuy nhiên trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã lấy lời khai đầy đủ. Việc vắng mặt họ không làm ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan của vụ án . Do đó căn cứ điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự để xét xử vắng mặt người làm chứng.

[2] Về nội dung: Sáng ngày 23/4/2020 khi bị cáo đang ở nhà thì có một người tên là T ở xã C T, huyện Q H, tỉnh Nghệ An đến và hai người rủ nhau đến xã C P chơi. Khoảng 13 giờ cùng ngày khi bị cáo và T đang ở khu vực bản T, xã C P thì do T có việc phải về nhà nên bị cáo không có xe về và đi bộ ở khu vực bản T thì nhìn thấy chiếc xe máy để trong sân nhà bên đường không có ai trông coi nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt, bị cáo đã vào trong sân và dắt xe ra ngoài đường mở khóa có sẵn ở xe và nổ máy rồi đi xe về xã C H, trên đường đi thì bị công an xã C H yêu cầu dừng xe và lúc đó chủ xe cũng đuổi theo và có mặt nên bị cáo đã bị bắt. Mục đích của bị cáo là chiếm đoạt chiếc xe trên để đưa về nhà làm phương tiện đi lại. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với vật chứng đã thu giữ được và phù hợp với lời khai của người bị hại. Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản là chiếc xe mô tô biển kiểm soát 37G1-10… của bị cáo đã cấu thành tội trộm cắp tài sản. Tài sản bị cáo chiếm đoạt thuộc sở hữu của chị Lữ Thị Tình T có giá trị là 14.000.000,đ. Do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo khoản 1 điều 173 của Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác, lợi dụng vào sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản trong việc quản lý bảo vệ tài sản của mình, khi thấy có điều kiện thì thực hiện việc chếm đoạt tài sản ngay và nhanh chóng tẩu thoát để tránh sự phát hiện của chủ sở hữu tài sản. Hành vi phạm tội của bị cáo đã gây mất trật tự xã hội ở các xã vùng sâu vùng xa. Bản thân bị cáo là đối tượng nghiện chất ma túy và đã bị Tòa án nhân dân huyện Quỳ Châu xử phạt tù và được cải tạo giáo dục ở trại giam, sau khi chấp hành xong hình phạt trở về địa phương vẫn không từ bỏ được ma túy và tiếp tục sử dụng và đã bị Tòa án nhân dân huyện Quỳ Châu Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, bị cáo chấp hành xong quyết định nhưng chưa được coi là chưa bị xử lý hành chính lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy cần thiết xét xử bị cáo với mức hình phạt nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện để tiếp tục cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người sống có ích cho xã hội. Tuy nhiện khi quyết định hình phạt cũng xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo bởi quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm nhiệm hình sự được quy định tại các điểm s khoản 1 điều 51 của bộ luật hình sự.

[2]Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt là chiếc xe mô tô biển kiểm soát 37G1-10… đã được thu hồi trả lại cho người bị hại đầy đủ. Người bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm nên không xem xét.

[3] Về án phí: Tại phiên tòa người bào chữa đề nghị căn cứ điểm đ khoản 1 điều 12, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo. Vì bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, thuộc diện chính sách hộ nghèo. Tuy nhiên bị cáo không có đơn đề nghị miễm, giảm án phí theo quy định tại điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 do đó không đủ điều kiện để xem xét miễn, giảm án phí đối với bị cáo và buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 điều 173, điểm s khoản 1 điều 51, điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt Quang Văn C 01 (một) năm tù về tội: Trộm cắp tài sản. Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 23/4/2020.

Án phí: Căn cứ khoản 2 điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm 200.000,đ (Hai trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo và người bị hại người bị hại. Bị cáo và người bị hại được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- VKSND huyện Quỳ Châu;
- CA huyện Quỳ Châu;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS huyện Quỳ Châu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lô Xuân Diệu